TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 17/2017/DS - ST
Ngày 18 tháng 10 năm 2017
"V/v tranh chấp kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đức và ông Đoàn Văn Đoan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Phan Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2017/TLST - DS ngày 10 tháng 7 năm 2017, về việc tranh chấp: Kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1965 và bà Tạ Thị H1, sinh năm 1968; đều trú tại: Thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Bị đơn: Bà Tạ Thị H2, sinh năm 1967 và ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1967; đều trú tại: Thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Hoàng Văn P và bà Tạ Thị H1 trình bày:

Năm 2011, vợ chồng ông bà đã thế chấp tài sản gồm 01 thửa đất có diện tích 291m^2 cùng toàn bộ tài sản xây dựng gắn liền trên đất tại thôn G, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc của ông bà cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lạng Sơn (gọi tắt là Ngân hàng) để vợ chồng ông Nguyễn Kim T và bà Tạ Thị H2 vay 3.600.000.000 đồng (Ba tỷ, sáu trăm triệu đồng). Quá trình trả nợ, ông T bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên năm 2013. Ngân hàng đã khởi kiện ông T bà H2 ra Tòa án theo quy định của pháp luật. Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 06/2013/KDTM – PT ngày

07/11/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Buộc ông Nguyễn Kim T và bà Tạ Thị H2 phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 21 tháng 8 năm 2013 là 4.015.857.556 đồng. Trong trường hợp ông T bà H2 không trả được nợ thì tài sản thế chấp đối với khoản vay nợ của ông T bà H2 tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản số: LN28 – 07/HĐTC ký ngày 10/10/2011 giữa vợ chồng ông P bà H1 và Ngân hàng bị xử lý bán phát mại để thu hồi nợ theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng thế chấp tài sản đã ký. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T bà H2 không có khả năng trả nợ nên tài sản của ông bà bị Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc kê biên bán phát mại theo quy định. Ngày 17/10/2016, tài sản của ông bà bị đưa ra bán đấu giá, anh Nguyễn Văn L là con rể của ông bà là người trúng đấu giá với giá tiền là 2.893.864.587 đồng. Gia đình ông bà đã huy động bằng mọi nguồn lực và vay mượn thêm để chuộc lại tài sản. Sau khi chuộc xong tài sản, ông bà đến nhà vợ chồng ông T bà H2, yêu cầu ông T bà H2 trả nợ cho ông bà toàn bộ số tiền ông bà đã bỏ ra để chuộc lại tài sản đảm bảo mà ông bà thế chấp cho khoản vay nợ của vợ chồng ông T bà H2 tại Ngân hàng. Đến khoảng đầu năm 2017, ông T bà H2 đã gán nợ cho ông bà 02 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hổ Vồ do Trung Quốc sản xuất. Khi bàn giao xe, hai bên không lập thành văn bản mà chỉ thống nhất với nhau bằng miệng về giá trị của 02 chiếc xe ô tô tải trên là 1.730.000.000 đồng (Một tỷ, bảy trăm ba mươi triệu đồng), đồng thời thỏa thuận khấu trừ số tiền gán 02 chiếc xe ô tô vào số tiền ông bà bỏ ra để chuộc lại tài sản. Trước đây, do ông bà làm tròn số nên ông bà xác định số tiền mà ông bà bỏ ra để chuộc tài sản là 2.900.000.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm triệu đồng). Tại phiên tòa ông P bà H1 xác nhận, thực tế số tiền gia đình ông bà bỏ ra để chuộc lại tài sản là 2.893.864.587 đồng (Hai tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng). Sau khi khấu trừ tiền xe, hai bên thống nhất số tiền mà vợ chồng ông T bà H2 còn nợ ông bà là 1.163.864.587 đồng (Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng).

Ông P bà H1 không thừa nhận việc ông bà với vợ chồng ông T bà H2 thỏa thuận ông T bà H2 chỉ phải hoàn lại cho ông bà số tiền 2.500.000.000 đồng. Ngoài ra, ông P bà H1 cũng không thừa nhận việc ông T bà H2 đã hoàn trả cho ông bà số tiền mặt 420.000.000 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ông P bà H1 xác định, vợ chồng ông T bà H2 còn nợ ông bà số tiền 1.163.864.587 đồng, là tiền mà ông bà đã bỏ ra để chuộc lại tài sản nên ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T bà H2 phải hoàn trả lại cho ông bà toàn bộ số tiền còn nợ trên. Tại phiên tòa, ông P bà H1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình là buộc vợ chồng ông T bà H2 phải trả tiền lãi phát sinh

trên số tiền gốc chưa trả kể từ ngày ông bà bỏ tiền ra chuộc tài sản cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn là ông Nguyễn Kim T và bà Tạ Thị H2 trình bày:

Ông bà thừa nhận, quá trình mượn tài sản thế chấp và quá trình xử lý bán phát mại tài sản đảm bảo của ông P bà H1 đối với khoản vay nợ của ông bà tại Ngân hàng để thu hồi nợ như lời trình bày trên của ông P bà H1 là đúng. Khi Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, kê biên bán phát mại tài sản của ông P bà H1, điều kiện kinh tế của ông bà lúc đó quá khó khăn, ông bà không thể lo được tiền để chuộc lại tài sản cho vợ chồng ông P bà H1. Tại phiên tòa, ông T bà H1 xác nhận, trước ngày diễn ra phiên đấu giá tài sản của vợ chồng ông P. Vợ chồng ông bà và vợ chồng ông P bà H1 đã thỏa thuận với nhau bằng miệng là nếu ông P bà H1 phải bỏ tiền ra để chuộc tài sản thì ông bà chỉ có nghĩa vụ hoàn lại cho ông P bà H1 số tiền 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm triệu đồng) trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bán đấu giá. Nếu ông bà không lo được tiền thì ông bà sẽ gán nợ cho vợ chồng ông P 03 chiếc xe ô tô trong đó có 02 chiếc xe ô tô tải và 01 chiếc xe ô tô con năm chỗ như lời trình bày trên của ông P bà H1 là đúng. Sau khi thỏa thuận, vợ chồng ông P quyết định lấy 03 chiếc xe ô tô nhưng vợ chồng ông bà chỉ gán nợ cho vợ chồng ông P 02 chiếc xe ô tô tải thành tiền là 1.730.000.000 đồng. Vì trước đó bà Hoa đã chuyển trả cho vợ chồng ông P tiền mặt 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Khi bàn giao xe và trả tiền cho vợ chồng ông P, do tin tưởng nên ông bà không làm giấy tờ gì. Đến nay ông T bà H2 xác định, thực tế ông bà chỉ còn nợ vợ chồng ông P bà H1 số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) nên ông bà chỉ đồng ý hoàn lại cho vợ chồng ông P bà H1 số tiền còn nợ trên. Trong trường hợp, ông P bà H1 không thừa nhận đã nhận của ông bà số tiền 420.000.000 đồng mà bà H2 đã trả bằng tiền mặt và yêu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông bà thì ông bà đồng ý hoàn lại cho vợ chồng ông P bà H1 toàn bộ số tiền 2.900.000.000 đồng với điều kiện. Vợ chồng ông P bà H1 phải trả lại cho ông bà 02 chiếc xe ô tô tải mà ông bà đã gán nợ và trừ 420.000.000 đồng tiền mặt vào số tiền 2.900.000.000 đồng, số tiền còn thiếu ông bà sẽ trả nợ dần.

Tại phiên tòa, vợ chồng ông P bà H1 rút yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc, ông bà đồng ý và không có ý kiến đề nghị gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Toà án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử nên đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn P và bà Tạ Thị H1. Buộc ông Nguyễn Kim T và bà Tạ Thị H2 phải trả lại cho ông P bà H1 số tiền 1.163.864.587 đồng (Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng). Tại phiên tòa, ông P bà H1 rút phần yêu cầu tính lãi đối với ông T bà H2 trên số tiền nợ gốc chưa trả kể từ khi bán đấu giá tài sản cho đến khi trả xong nợ nên áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của ông P và bà H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật: Theo nguyên tắc, sự kiện pháp lý xảy ra ở thời điểm nào thì áp dụng pháp luật ở thời điểm đó. Giao dịch dân sự giữa vợ chồng ông Hoàng Văn P và vợ chồng ông Nguyễn Kim T được xác lập vào năm 2011 đến năm 2016 thì thực hiện xong đến nay xảy ra tranh chấp. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 do vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

Về thủ tục tố tụng: Ông Hoàng Văn P và bà Tạ Thị H1 là nguyên đơn, yêu cầu ông Nguyễn Kim T và bà Tạ Thị H2 là bị đơn trả lại số tiền 1.163.864.587 đồng (Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng) là khoản tiền mà ông P bà H1 đã bỏ ra để chuộc lại tài sản đảm bảo do ông P bà H1 đã thế chấp cho khoản vay nợ của ông T bà H2 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lạng Sơn (gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định. Đây là vụ án dân sự về tranh chấp quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông P bà H1 cho rằng, sau khi tài sản của ông bà bị bán phát mại, ông T bà H2 phải có trách nhiệm chuộc lại tài sản cho ông bà. Nhưng ông T bà H2 không chuộc lại mà ông bà phải đi vay mượn để chuộc lại tài sản của mình.Vì vậy, ông T bà H2 phải có nghĩa vụ hoàn lại toàn bộ số tiền mà ông bà đã bỏ ra để chuộc lại tài sản. Tại phiên tòa, ông P bà H1 xác định; sau khi đối trừ giá trị của 02 chiếc xe ô tô tải mà vợ chồng ông T đã gán nợ. Đến ngày xét xử sơ thẩm, ông T bà H2 còn nợ ông P bà H1 số tiền

1.163.864.587 đồng (Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng) nên ông P bà H1 yêu cầu ông T bà H2 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông bà toàn bộ số tiền còn nợ trên. Ông P bà H2 không thừa nhận có việc thỏa thuận , vợ chồng ông T bà H2 chỉ phải trả lại cho ông P bà H1 số tiền 2.500.000.000 đồng và ông P bà H1 không thừa nhận việc, ông bà có nhận của ông T bà H2 số tiền mặt 420.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông T bà H2 khẳng định, trước ngày diễn ra phiên đấu giá tài sản của vợ chồng ông P, ông bà và vợ chồng ông P đã thống nhất với nhau bằng miệng là ông bà phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho vợ chồng ông P số tiền 2.500.000.000 đồng. Vì vậy, ông bà đã gán nợ cho vợ chồng ông P 02 chiếc xe ô tô tải trị giá 1.730.000.000 đồng đến nay vợ chồng ông P đã bán 02 chiếc xe ô tô của ông bà gán nợ. Ngoài ra bà H2 còn trả cho vợ chồng ông P được 420.000.000 đồng tiền mặt. Nay ông T bà H2 xác định, ông bà chỉ còn nợ vợ chồng ông P số tiền 350.000.000 đồng và ông bà chỉ đồng ý trả nợ cho vợ chồng ông P số nợ trên. Vợ chồng ông P không thừa nhận mà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông bà phải trả nợ cho ông Phẩm bà Hoa số tiền 1.163.864.587 đồng. Ông Trường bà Hoa không đồng ý, ông Trường bà Hoa yêu cầu vợ chồng ông P trả lại cho vợ chồng ông bà 02 chiếc xe ô tô tải mà ông bà đã gán nợ, trừ số tiền 420.000.000 đồng bà H2 đã trả, còn thiếu đâu thì ông bà trả nợ dần.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Tại biên bản bán đấu giá tài sản ngày 17/10/2016, số tiền thực tế mà gia đình ông P bà H1 đã bỏ ra để chuộc lại tài sản là 2.893.864.587 đồng (Hai tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng). Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, vợ chồng ông P và vợ chồng ông T đều thừa nhận có việc thỏa thuận gán nợ 02 chiếc xe ô tô tải với giá 1.730.000.000 đồng và khấu trừ số tiền gán xe vào số tiền ông P bà H1 bỏ ra để chuộc tài sản. Tuy là, khi xác lập giao dịch dân sự hai bên chỉ giao dịch với nhau bằng miệng không lập thành văn bản nhưng các bên đều thừa nhận có việc thực hiện giao dịch và giao dịch được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đến nay các bên đều thừa nhận giao dịch đã được thực hiện xong. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định, đây là tình tiết không phải chứng minh cho nên khẳng định có việc gán nợ 02 chiếc xe ô tô giữa vợ chồng ông T và vợ chồng ông P là có thật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông T bà H2 đòi lại 02 chiếc xe ô tô mà vợ chồng ông T bà H2 đã gán nợ cho vợ chồng ông P bà H1.

Đối với số tiền mặt 420.000.000 đồng ông T bà H2 cho rằng ông bà đã trả cho vợ chồng ông P bà H1 thì thấy: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, vợ chồng ông P bà H1 không thừa nhận đã nhận của vợ chồng ông T bà

H2 số tiền trên. Bản thân vợ chồng ông T bà H2 không có căn cứ gì để chứng minh việc ông bà đã trả nợ cho vợ chồng ông P bà H1 số tiền trên. Vì vậy, không đủ cơ sở để xác nhận vợ chồng ông T bà H2 đã hoàn trả lại cho vợ chồng ông P bà H1 số tiền 420.000.000 đồng.

Sau khi đối trừ khoản tiền gán nợ 02 chiếc xe ô tô, Hội đồng xét xử xác nhận. Hiện tại vợ chồng ông T bà H2 còn nợ vợ chồng ông P bà H1 số tiền 1.163.864.587 đồng (Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng). Căn cứ vào Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông P và bà H1. Buộc ông T và bà H2 phải hoàn trả lại cho ông P bà H1 số tiền còn nợ là 1.163.864.587đồng.

Tại phiên tòa, ông P bà H1 xin rút phần yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc mà ông T bà H2 chưa trả kể từ ngày bán đấu giá tài sản đến khi trả nợ xong. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của ông P và bà H1.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông P bà H1. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông P và bà H1 không phải chịu án phí dân sự có giá ngạch nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn ông T bà H2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 164; 170; 212; 213; 255; 256 và Điều 257 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn P và bà Tạ Thị H1. Buộc ông Nguyễn Kim T và bà Tạ Thị H2 phải hoàn trả cho ông Hoàng Văn P và bà Tạ Thị H1 số tiền 1.163.864.587 đồng (Một tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, năm trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn P và bà Tạ Thị H1 về việc tính lãi trên số tiền nợ gốc chưa trả kể từ ngày bán đấu giá tài sản cho đến khi ông T bà H2 trả xong nợ.

Về án phí : Ông Nguyễn Kim T và bà Tạ Thị H2, phải chịu 46.890.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ông Hoàng Văn P và bà Tạ Thị H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.550.000 đồng (Hai mươi ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số : AA/2016/0001787 ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Hạnh